

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 04 NĂM 2017
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017**

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2016 ĐẾN 30/06/2017)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5 - 6
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2017)	Số đầu năm (01/07/2016)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.107.826.299.382	1.101.425.586.818
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	84.172.452.086	44.371.716.087
1. Tiền	111		19.925.219.642	31.828.382.787
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.247.232.444	12.543.333.300
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		69.169.623.717	3.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		69.169.623.717	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		392.046.193.529	342.294.517.131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		120.319.451.828	130.541.241.046
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		210.057.392.454	142.930.606.127
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		46.112.136.455	56.451.095.570
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	38.724.819.356	29.291.340.093
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(23.167.606.564)	(16.919.765.705)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		549.335.253.389	708.243.599.122
1. Hàng tồn kho	141	V.5	552.099.634.199	711.007.979.932
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.6	(2.764.380.810)	(2.764.380.810)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.102.776.661	3.515.754.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	8.856.711.261	1.380.858.350
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	-	2.134.896.128
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	4.246.065.400	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2017)	Số đầu năm (01/07/2016)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.470.031.107.199	1.603.075.277.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.936.979.236	5.342.339.237
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.815.401.544	4.092.401.544
6. Phải thu dài hạn khác	216		1.144.077.692	1.272.437.693
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(22.500.000)	(22.500.000)
II. Tài sản cố định	220		1.328.028.293.848	1.432.502.030.190
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.284.018.452.273	1.408.839.135.742
<i>Nguyên giá</i>	222		3.004.428.339.609	2.979.265.124.259
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.720.409.887.336)	(1.570.425.988.517)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	44.009.841.575	23.662.894.448
<i>Nguyên giá</i>	228		54.767.559.576	33.683.481.590
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.757.718.001)	(10.020.587.142)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.580.118.560	72.590.808.031
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	46.580.118.560	72.590.808.031
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.635.832.475	33.789.547.388
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	15.384.686.675	18.538.401.588
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	15.251.145.800	15.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.15	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		61.849.883.080	58.850.552.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	56.427.741.073	50.545.801.356
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.422.142.007	5.613.289.027
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	2.691.462.041
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.577.857.406.581	2.704.500.864.088

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2017)	Số đầu năm (01/07/2016)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		893.536.017.166	1.071.279.863.832
I. Nợ ngắn hạn	310		819.062.477.777	937.417.611.526
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		44.045.649.708	55.667.222.604
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.006.577.878	116.222.690.612
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	15.858.838.065	7.865.896.928
4. Phải trả người lao động	314		8.359.044.737	9.820.517.627
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	5.361.084.511	22.697.854.443
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	13.002.836.396	11.098.252.142
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	694.440.163.972	689.673.771.479
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	29.988.282.510	24.371.405.691
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		74.473.539.389	133.862.252.306
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		283.077.298	849.231.858
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		3.149.169.956	10.060.855.983
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	2.720.000.000	64.990.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		68.321.292.135	57.962.164.465

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2017)	Số đầu năm (01/07/2016)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.684.321.389.415	1.633.221.000.256
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.643.989.310.339	1.589.240.195.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.24	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.24	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	578.324.443.685	568.026.596.583
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		123.532.845	133.182.845
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		149.790.622.060	115.289.865.814
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.446.238.778	18.906.648.220
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		127.344.383.282	96.383.217.594
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		35.574.299.965	25.614.138.821
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		40.332.079.076	43.980.804.409
1. Nguồn kinh phí	431	V.26	2.919.567.653	3.909.335.593
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.27	37.412.511.423	40.071.468.816
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.577.857.406.581	2.704.500.864.088

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Nhung

Lê Thị Huệ

Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04 đến 30/06		Lũy kế từ 01/07 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	692.181.136.882	766.297.022.750	2.397.396.856.248	2.010.303.955.884
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	33.333.333	-	1.858.056.565	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	692.147.803.549	766.297.022.750	2.395.538.799.683	2.010.303.955.884
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	641.494.360.098	660.369.878.368	2.073.531.894.420	1.734.000.105.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.653.443.451	105.927.144.382	322.006.905.263	276.303.850.193
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.237.894.534	10.764.199.013	19.807.397.572	13.734.720.603
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.865.590.997	16.238.748.081	44.734.313.730	44.413.053.516
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.229.175.264	12.464.765.311	41.134.197.572	41.109.240.410
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		(19.147.637)	(229.011.510)	(756.204.579)	(1.072.581.918)
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.978.102.470	15.908.504.408	39.294.547.058	49.329.064.504
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13.652.638.510	31.907.225.005	91.105.782.003	72.086.476.755
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.375.858.371	52.407.854.391	165.923.455.465	123.137.394.103
12. Thu nhập khác	31	VI.7	748.814.130	265.009.975	898.685.455	2.255.390.844
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.151.878.808	1.231.506.206	7.977.384.973	8.409.449.204
14. Lợi nhuận khác	40		(403.064.678)	(966.496.231)	(7.078.699.518)	(6.154.058.360)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.972.793.693	51.441.358.160	158.844.755.947	116.983.335.743
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.794.200.611	5.516.878.279	21.540.211.521	14.592.947.996

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04 đến 30/06		Lũy kế từ 01/07 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-		(389.669.139)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.178.593.082	45.924.479.881	137.304.544.426	102.000.718.608
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	80		15.592.113.280	45.623.436.702	127.344.383.282	98.383.217.594
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	70		2.586.479.802	301.043.179	9.960.161.144	3.617.501.014

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		158.844.755.947	116.983.335.743
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		172.624.393.083	146.152.432.688
- Các khoản dự phòng	03		6.247.840.859	6.433.004.442
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	132.163.488
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3.153.714.914	(9.791.857.333)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	41.134.197.572	41.109.240.410
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		382.004.902.375	301.018.319.438
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64.330.355.920)	215.242.897.498
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		161.599.807.774	(218.730.035.520)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(122.454.005.582)	26.242.661.053
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13.102.656.952)	(1.889.799.767)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(19.857.896.329)	(38.572.706.592)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(15.433.263.224)	(13.457.834.884)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.289.689.720	4.596.550.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.189.727.944)	(10.160.177.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		305.526.493.918	264.289.873.981
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(48.324.496.933)	(160.156.665.646)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		21.801.104.666	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.598.763.000)	(71.242.315.014)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(38.021.650.974)	116.546.884.743
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(127.258.303.160)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		13.890.500.000	94.020.109.274
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3.916.946.101	12.627.449.348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(59.336.360.140)	(135.462.840.455)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.131.761.725.989	1.335.427.145.252
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.296.151.123.768)	(1.441.162.873.630)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.000.000.000)	(10.132.725.976)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(206.389.397.779)	(115.868.454.354)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		39.800.735.999	12.958.579.172
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	44.371.716.087	31.413.136.915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	84.172.452.086	44.371.716.087

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng giám đốc




Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến. dịch vụ. thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường. cồn. nha. nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường. nông. lâm sản. thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải. cơ khí. cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây. con. tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa. chế biến sữa. bò thịt. chế biến các sản phẩm cao su. giấy bao bì carton. kinh doanh thương mại. khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định. máy móc. thiết bị. vật tư. phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí. lỏng. rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp. công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc. thiết bị; Dịch vụ làm đất nông. lâm nghiệp.

4. Công ty con

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 07 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV của niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền kiểm soát (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Xã Xuân Phú. Thọ Xuân. Thanh Hóa	90.00	90.00
2. Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng. Thọ Xuân. Thanh Hóa	100.00	100.00
3. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa	100.00	100.00
4. Công ty Cổ phần Nông công nghiệp dịch vụ thương mại Vân Sơn	Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa	100.00	100.00
5. Công ty CP mía đường Nông Cống	Xã Thăng Long - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa	56.61	56.61
6. Công ty TNHH 1TV Thành An – Lam Sơn	Thôn Làng May. Thọ Xương. Thọ Xuân. Thanh Hóa.	100	100
7. Công ty TNHH TTNC &PT NN CNC Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466NQ/2015/DLS - ĐHĐCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hàng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Niên độ tài chính 2016/2017 bắt đầu từ 01 tháng 07 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
 - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động sản xuất và chế biến mía đường. Các sản phẩm còn lại áp dụng thuế suất 20% từ 01/01/2016.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.095.105.042	1.386.043.986
Tiền gửi ngân hàng	18.830.114.600	30.442.338.801
Các khoản tương đương tiền	64.247.232.444	12.543.333.300
Cộng	<u>84.172.452.086</u>	<u>44.371.716.087</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	69.169.623.717	3.000.000.000
Cộng	<u>69.169.623.717</u>	<u>3.000.000.000</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	120.319.451.828	130.541.241.046
- Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	66.714.186.000	77.151.112.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	53.605.265.828	53.390.128.546
	<u>120.319.451.828</u>	<u>130.541.241.046</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu CBCNV (BHXH, Thuế TNCN)	611.373.604	276.395.020
Phải thu Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	8.504.060.306	8.504.060.306
Tạm ứng	1.753.832.105	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.520.952.000	11.552.641.754
Các khoản phải thu khác	18.334.601.341	8.958.243.013
Cộng	<u>38.724.819.356</u>	<u>29.291.340.093</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu. vật liệu	77.976.302.826	99.885.187.662
Công cụ. dụng cụ	542.472.380	1.513.774.196
Chi phí sản xuất. kinh doanh dở dang	22.415.665.881	25.308.956.251
Thành phẩm	406.678.057.312	508.286.041.371
Hàng hóa	44.331.236.043	75.864.957.503
Hàng gửi bán	155.899.757	149.062.948
Cộng	<u>552.099.634.199</u>	<u>711.007.979.932</u>
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.764.380.810)	(2.764.380.810)
Cộng	<u>(2.764.380.810)</u>	<u>(2.764.380.810)</u>
Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:		
Số đầu năm		(2.764.380.810)
Trích lập dự phòng bổ sung/Tăng khác		-
Hoàn nhập dự phòng		-
Số cuối kỳ		<u>(2.764.380.810)</u>
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	8.856.711.261	1.380.858.350
Cộng	<u>8.856.711.261</u>	<u>1.380.858.350</u>
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	2.134.896.128
Cộng	<u>-</u>	<u>2.134.896.128</u>
10. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	-	-
Các khoản cầm cố. ký quỹ. ký cược ngắn hạn	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	4.246.065.400	-
Cộng	<u>4.246.065.400</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện VT. truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm tại ngày 01/07/2016	684.279.975.047	2.190.347.966.255	79.842.528.038	24.261.264.919	533.390.000	2.979.265.124.259
Tăng trong năm	13.540.011.178	39.629.430.918	4.882.847.272	1.852.954.412	1.959.264.331	61.864.508.111
<i>Mua sắm mới</i>		39.629.430.918	4.882.847.272	1.852.954.412	1.959.264.331	48.324.496.933
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	10.302.845.959					10.302.845.959
<i>Tăng khác</i>	3.237.165.219					3.237.165.219
Giảm trong năm	6.703.442.749	25.115.331.394	2.384.967.553	1.451.413.198	1.046.137.867	36.701.292.761
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		25.115.331.394	2.384.967.553	1.451.413.198		28.951.712.145
<i>Chuyển thành CCDC</i>						
<i>Giảm khác</i>	6.703.442.749				1.406.137.867	7.749.580.616
Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2017	691.116.543.476	2.204.862.065.779	82.340.407.757	24.662.806.133	1.446.516.464	3.004.428.339.609
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm tại ngày 01/07/2016	281.478.668.050	1.197.851.261.744	68.458.002.702	22.413.289.208	224.766.813	1.570.425.988.517
Tăng trong năm	37.632.171.131	129.829.411.331	4.266.051.471	712.407.261	184.351.889	172.624.393.083
<i>Khấu hao trong năm</i>	37.632.171.131	129.829.411.331	4.266.051.471	712.407.261	184.351.889	172.624.393.083
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong năm	1.306.256.616	18.957.896.655	1.964.138.633	354.083.591	58.118.769	22.640.494.264
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		19.479.080.657	2.036.319.210	285.704.799		21.801.104.666
<i>Chuyển thành CCDC</i>		(521.184.002)	(521.184.002)	37.400.000		(1.004.968.001)
<i>Giảm khác</i>	1.306.256.616		449.003.425	30.978.792	58.118.769	1.844.357.602
Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2017	317.804.582.565	1.308.722.776.420	70.759.915.540	22.771.612.878	350.999.933	1.720.409.887.336
Giá trị còn lại						
Số đầu năm tại ngày 01/07/2016	402.801.306.997	992.496.704.511	11.384.525.336	1.847.975.711	308.623.187	1.408.839.135.742
Số cuối kỳ tại ngày 30/06/2017	373.311.960.911	896.139.289.359	11.580.492.217	1.891.193.255	1.095.516.531	1.284.018.452.273

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm 01/07/2016	23.595.861.172	10.087.620.418	33.683.481.590
Tăng do mua sắm mới			
Tăng khác	21.084.077.986		21.084.077.986
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 30/06/2017	44.679.939.158	10.087.620.418	54.767.559.576
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm 01/07/2016	613.923.043	9.406.664.099	10.020.587.142
Khấu hao trong năm	249.620.372	487.510.487	737.130.859
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 30/06/2017	863.543.415	9.894.174.586	10.757.718.001
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.981.938.129	680.956.319	23.662.894.448
Số cuối kỳ	43.816.394.743	193.445.832	44.009.841.575

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án khu VP làm việc		21.084.077.986
Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	13.339.683.931	37.958.246.150
DA đầu tư nhà lưới tại Sao Vàng & Thiệu Hóa	91.520.000	13.548.483.985
DA sinh thái tre luồng Tam Thanh	11.772.191.296	-
Các công trình khác	21.376.723.333	-
Cộng	46.580.118.560	72.590.808.031

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	15.384.686.675	18.538.401.588
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.251.145.800	15.251.145.800
TỔNG CỘNG	30.635.832.475	33.789.547.388

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38.39%	2.150.000	38.39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32.00%	1.600.000	32.00%	1.600.000

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần	15.251.145.800	15.251.145.800
<i>Công ty Cổ phần đầu tư TM Lam Sơn</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần thương mại Lam Hà</i>	<i>2.276.500.000</i>	<i>2.276.500.000</i>
<i>Tổng công ty mía đường I - Công ty CP</i>	<i>2.974.645.800</i>	<i>2.974.645.800</i>
Cộng	15.251.145.800	15.251.145.800

16. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư dài hạn	-	-

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí mía giống tại CNC	3.000.664.011	2.358.553.742
Chi phí thuê đất	39.357.673.901	28.634.749.983
Chi phí cày đất trồng mía	-	362.460.380
Chi phí khác	8.314.790.085	8.541.031.028
TSCĐ chuyển CCDC chờ phân bổ	5.754.613.076	10.649.006.942
Cộng	56.427.741.073	50.545.801.356

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	691.110.163.972	648.913.771.479
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.330.000.000	980.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	39.780.000.000
Cộng	694.440.163.972	689.673.771.479

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Số phải nộp	7.865.896.928	15.858.838.065
Cộng	<u>7.865.896.928</u>	<u>15.858.838.065</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri	5%
Cồn, dịch vụ cho thuê kho bãi, khách sạn, ăn uống	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.268.642.129	2.060.655.047
Cước vận chuyển	125.080.095	36.869.729
Chi phí thu mua mía và các chi phí liên quan	633.171.867	14.946.457.823
Triết khấu bán hàng	3.334.190.420	-
Các khoản khác		5.653.971.844
Cộng	<u>5.361.084.511</u>	<u>22.697.854.443</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	1.547.668.093	1.418.591.978
Kinh phí công đoàn	1.360.187.868	1.715.851.074
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.166.825.217
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	2.234.355.000	-
Các khoản phải trả khác	7.860.625.435	6.796.983.873
Cộng	<u>13.002.836.396</u>	<u>11.098.252.142</u>

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.720.000.000	64.029.342.500
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	960.657.500
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
Cộng	<u>2.720.000.000</u>	<u>64.990.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa PP
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	580.895.153.393	-	133.182.845	16.287.017.797
Lợi nhuận năm trước								98.383.217.594
Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con					(1.120.718.772)			1.141.142.729
Trích lập các quỹ trong năm trước					1.746.774.021			(4.055.028.261)
Chia cổ tức năm trước								(10.500.000.000)
Chi thường								
Lợi ích cổ đông thiểu số								
Các khoản khác					(13.494.621.059)			14.033.515.955
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	568.026.596.583	-	133.182.845	115.289.865.814
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	568.026.596.583	-	133.182.845	115.289.865.814
Cổ đông góp vốn								
<i>Trong đó: - bằng tiền</i>								
<i>- cổ tức</i>								
Lợi nhuận trong kỳ								127.344.383.282
Lợi nhuận các năm trước								
Trích lập các quỹ					10.927.847.10			(20.595.3694.200)
Thưởng BĐH								(70.000.000.000)
Chia cổ tức năm nay								(2.234.355.000)
Các khoản khác								(13.577.836)
Số dư cuối kỳ này	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	578.324.443.685	-	133.182.845	149.790.622.060

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Vốn khác của Chủ sở hữu	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	<u>880.176.411.784</u>	<u>880.176.411.784</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ tại doanh nghiệp.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	25.588.086.954	20.576.363.404
Quỹ phúc lợi	4.400.195.256	3.795.042.287
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	-	-
Cộng	<u>29.988.282.510</u>	<u>24.371.405.691</u>

25. Nguồn kinh phí

	<u>Số đầu năm</u>
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	8.781.160.000
Chi trong kỳ	7.905.328.940
Giảm khác	1.865.599.000
Số cuối kỳ	<u>2.919.567.653</u>

26. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<u>Số đầu năm</u>
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	40.071.468.816
TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Khấu hao trong năm	(2.658.957.393)
Số cuối kỳ	37.412.511.423

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM TÀI CHÍNH 2016/2017**1. Doanh thu bán hàng**

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	692.181.136.882	766.297.022.750
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>681.535.304.058</i>	
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>10.384.771.006</i>	
<i>Doanh thu khác</i>	<i>261.061.818</i>	
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(33.333.333)	
Doanh thu thuần	692.147.803.549	766.297.022.750

2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng bán	631.231.050.327	660.369.878.368
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.021.258.073	
Giá vốn khác	242.051.698	-
Cộng	641.494.360.098	660.369.878.368

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.916.946.101	1.422.863.424
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	18.158.090
Cổ tức, lợi nhuận được chia		9.292.885.000
Doanh thu từ hoạt động tài chính khác	1.320.948.433	30.292.499
Cộng	5.237.894.534	10.764.199.013

4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/6	
	Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/6	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.229.175.264	12.464.765.311
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	164.556.631
Lỗi thanh lý các khoản đầu tư tài chính		(2.517.030.000)
Chi phí khác	636.415.733	1.092.396.139
Cộng	13.865.590.997	16.238.748.081

5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.862.248.963	2.349.827.645
Chi phí vật liệu, bao bì	102.484.198	44.714.566
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	301.408.256	150.167.141
Chi phí khấu hao TSCĐ	701.421.664	382.635.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.002.258.216	7.103.509.039
Chi phí bằng tiền khác	1.008.281.173	5.877.651.008
Cộng	5.978.102.470	15.908.504.408

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.697.881.544	4.074.817.575
Chi phí vật liệu quản lý	143.252.876	12.129.567
Chi phí đồ dùng văn phòng	369.265.321	60.869.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.129.345.632	1.507.843.671
Thuế, phí và lệ phí	1.034.603.891	1.411.197.669
Chi phí dịch vụ mua ngoài	895.687.936	1.109.517.300
Quỹ KHCN	1.830.581.468	11.847.542.007
Chi phí bằng tiền khác	2.552.019.842	11.883.308.034
Cộng	13.652.638.510	31.907.225.005

7. Thu nhập khác**Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, bán vật tư, phế liệu	-	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Các khoản khác	748.814.130	265.009.975
Cộng	748.814.130	265.009.975

8. Chi phí khác

	<u>Giai đoạn từ 01/01 đến 31/03</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản khác	1.151.878.808	1.231.506.206
Cộng	1.151.878.808	1.231.506.206

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 30/06/2017 và 30/06/2016, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Trả trước cho người bán			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết		10.705.957.070
Phải thu khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải trả người bán			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	4.489.125.150	

VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/07/2016 đến 30/06/2017, doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là chiếm tỷ trọng 95% tổng doanh thu bán hàng hợp nhất; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 5%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/07/2016 - 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/07/2015 - 30/06/2016</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	137.304.544.426	102.000.718.608
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	127.344.383.282	98.383.718.608
Số lượng cổ phiếu phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	70.000.000	70.000.000
Lãi trên cổ phiếu	1.819	1.405

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

Chỉ tiêu	ĐV	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/07/2016
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	42,93	39,5
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	57,07	60,5
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,66	39,61
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	63,96	59,44
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	1,38	0,95
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,87	2,47
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,35	1,11
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,10	0,05
Chỉ tiêu	ĐV	Từ 01/07/2016- 30/06/2017	Từ 01/07/2015- 30/06/2016
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,49	5,19
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,66	4,42
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,29	2,88
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,87	2,45
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên Vốn chủ sở hữu	%	4,14	3,74

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

XI. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách kế toán			
	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	84.172.452.086		44.371.482.108	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	160.188.348.876	(23.190.106.564)	161.105.018.832	(16.919.765.705)
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn	30.635.832.475		33.789.547.388	
	274.996.633.437	(23.190.106.564)	239.266.282.307	(16.919.765.705)

Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách kế toán	
	30/06/2017	01/07/2016
Vay và nợ	700.936.508.768	754.663.771.479
Phải trả người bán, phải trả khác	83.367.471.140	66.765.474.746
Chi phí phải trả	5.361.084.511	22.697.854.443
	789.665.064.437	844.127.100.668

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài nên Công ty chưa có kế hoạch bán thanh lý hay thoái vốn các khoản đầu tư.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khách với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và tương đương tiền	84.172.452.086			84.172.452.086
Phải thu khách hàng, phải thu khác	159.044.271.184	1.144.077.692		160.188.348.876
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn	3.084.333.333			3.084.333.333
Đầu tư dài hạn		30.635.832.435		30.635.832.435
	246.301.056.603	31.779.910.127		278.080.966.730
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và tương đương tiền	44.371.482.108			44.371.482.108
Phải thu khách hàng, phải thu khác	159.832.581.139	1.272.437.693		161.105.018.832
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	204.204.297.226	16.763.137.693		220.967.434.919

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	698.216.508.786	46.100.000.000		744.316.508.786
Phải trả người bán, phải trả khác	53.272.141.290			53.272.141.290
Chi phí phải trả	5.361.084.511			5.361.084.511
	756.849.734.587	46.100.000.000		802.949.734.587

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	689.673.771.479	64.990.000.000		754.663.771.479
Phải trả người bán, phải trả khác	66.765.474.746			66.765.474.746
Chi phí phải trả	22.697.854.443			22.697.854.443
	779.137.100.668	66.150.657.500		844.127.100.668

Tính đến thời điểm 30/06/2017, mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

XII. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỶ

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý IV kết thúc ngày 30/06/2017 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017) đạt 18.178 triệu đồng, trong đó Lợi ích của Công ty là 15.592 triệu đồng giảm 30.031 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2015/2016, tương đương giảm 65,8 % so với cùng kỳ 2015/2016 là do các nguyên nhân sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 74.150 triệu đồng tương đương giảm 10,7% so với cùng kỳ năm tài chính 2015/2016.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm 5.527 triệu đồng, tương đương giảm 52,3% so với cùng kỳ năm tài chính 2015/2016.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2017

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương